TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 437/2024/HC- PT

Ngày: 02/8/2024

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa*;*

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử V - Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, trực tuyến, công khai vụ án Hành chính thụ lý số 198/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai". Do có kháng cáo của Người khởi kiện đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST, ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7498/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Ông Lê Văn H; sinh năm 1964; nơi ĐKHKTT: Số C đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số C đường A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thu H1; sinh năm 1966; trú tại: C, phố H, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lê Đức M, Bùi Quang T - Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số F phố N, phường P, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. *Người bị kiện*:

2.1. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ: Lô B, Khu đô thị M sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê C; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 12/GUQ-UBND ngày 08/3/2024); vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Công Đ; nơi ĐKHKTT: Số C đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số C đường A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện - ông Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Lê Văn H trình bày:

Nhà và đất của ông Lê Văn H tại số nhà A N, thuộc phường Đ, quận N có nguồn gốc là tự sử dụng từ trước năm 1990. Từ năm 1990, ông Lê Văn H cùng vợ là bà Phạm Thu H1 nhận chuyển nhượng nhà và đất trên từ ông Nguyễn Văn T1 bằng giấy viết tay *(Giấy mua bán viết tay ông Lê Văn H đã nộp cho UBND phường Đ từ năm 2001 khi thực hiện dự án mở rộng đường Q).* Năm 2020, ông Lê Văn H và bà Phạm Thu H1 ly hôn theo Quyết định số 403/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2020 của Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Ông Lê Văn H và bà Phạm Thu H1 thỏa thuận về tài sản là ông Lê Văn H và con trai Lê Công Đ, sinh năm 1990 sử dụng phần phía sau số nhà A N có diện tích 4,5m x 5,7m = 25.65m², trên đất có căn nhà 02 (hai) tầng mái bằng. Tuy không có giấy tờ hợp pháp theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai nhưng có giấy tờ mua bán viết tay, được xác nhận trong Báo cáo số 02/BC-UB ngày 27/03/2001 của Ủy ban nhân dân phường Đ. Từ khi xây nhà để ở trên đất trước năm 1990, không có Biên bản xử phạt vi phạm hành chính nào được lập.

Các văn bản trong hồ sơ Xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình ông Lê Văn H là trái pháp luật ở những nội dung như sau:

Việc sử dụng đất và xây nhà để ở có từ trước năm 1990. Vì vậy việc lập Biên bản xác minh, Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022; Quyết định số 2804/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022; Quyết định số 3031/QĐ-ĐC ngày

10/11/2022 và Quyết định số 3591/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND Quận N là trái pháp luật quy định tại Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính về thời hiệu. Các văn bản pháp luật mà UBND Quận N viện dẫn để áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đều có sau khi gia đình ông Lê Văn H sử dụng đất.

Năm 2000, Nhà nước thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 5 đoạn Nguyễn Bỉnh K mới xác định hành lang an toàn đường bộ. Nhà, đất của gia đình ông Lê Văn H tự sử dụng từ trước năm 1990 không có quyết định thu hồi đất nên không chiếm đất hành lang an toàn đường bộ *(nhà ông Lê Văn H là số thứ tự 47 theo Danh sách kèm theo Báo cáo số 13/TB-UB ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân phường Đ).*

Năm 2012, Nhà nước thu hồi đất để thực hiện thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống kênh A đoạn từ cầu vượt L đến cống N thuộc Dự án thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng, giai đoạn I tại phường Đ - Quận N, nhà và đất của ông Lê Văn H không bị thu hồi và được bồi thường do bị ảnh hưởng khi thi công Dự án kênh A, nên không chiếm đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Ngày 25/09/2017, UBND thành phố H mới ban hành Quyết định số 2481/QĐ-UBND về việc phê duyệt *"Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1)"* nên không chiếm đất chưa sử dụng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai 2013 thì gia đình ông Lê Văn H có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai 2013

Nhận thấy các Quyết định hành chính nêu trên là trái quy định của pháp luật nên ông H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Huỷ Quyết định số 3591/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

3. Buộc Ủy ban nhân dân Quận N thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Lê Văn H:

Căn cứ Báo cáo số 308/BC-UBND ngày 27/10/2022 của UBND phường Đ thì nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Lê Văn H sử dụng tại số A N, phường Đ cụ thể như sau: Theo bản đồ và sổ đăng ký ruộng đất năm 1986 không thể hiện số thửa, thuộc tờ bản đồ số 01, Loại đất: Đất mương. Theo bản đồ địa chính phường Đ năm 1998, thuộc 01 phần thửa đất số 39/Tờ bản đồ ĐG-30, diện tích đất: 1243,5m^2. Loại đất: đất thủy lợi, tên đăng ký sử dụng là: UBND phường Đ.

Ông Lê Văn H quản lý sử dụng diện tích 38,3m^2 thuộc 01 phần thửa số 126 Trích lục địa chính số 69/2020-TL lập ngày 13/5/2020 thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) và Bản trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500 khu đất giáp đường N đoạn từ cầu vượt L đến V do Trung tâm K1, Thông tin TNMT lập ngày 08/9/2022; Xây dựng công trình trên diện tích 38,3m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 39/Tờ bản đồ ĐG-30, loại đất: TL. Hiện trạng là nhà 02 tầng, mái lợp tôn kẽm mạ màu.

Về việc xử phạt vi phạm hành chính:

Để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Ủy ban nhân dân Quận N đã căn cứ vào quy định pháp luật và hồ sơ của từng vụ việc. Cụ thể:

Thứ nhất, căn cứ vào các tài liệu, văn bản chứng minh cho việc sử dụng đất không phù hợp quy định pháp luật của các đối tượng vi phạm, gồm: Báo cáo nguồn gốc sử dụng đất, Bản đồ địa chính, Biên bản làm việc, Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất và xây dựng nhà, công trình… Trên cơ sở các tài liệu đó, Ủy ban nhân dân Quận N đã thiết lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Thứ hai, căn cứ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gồm: Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, khi có hành vi vi phạm pháp luật thì hành vi đó phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, đối với hồ sơ chỉ ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (trường hợp này áp dụng đối với hành vi xây dựng trái phép nhà, công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi): Do hành vi xây dựng là hành vi đã kết thúc năm 2006, thời điểm kết thúc hành vi vi phạm đó được xác định để tính thời hiệu xử phạt. Vì vậy, Ủy ban nhân dân Quận N căn cứ quy định tại Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính để ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục do hết thời hiệu xử phạt là đúng quy định pháp luật.

Thứ ba, căn cứ quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực chuyên ngành, cụ thể:

Theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì chỉ được xử phạt khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.

Đối với hành vi lấn chiếm đất hành lang an toàn đường bộ được quy định cụ thể tại điểm c khoản 9 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Đối với hành vi chiếm đất chưa sử dụng (đối với các hộ thuộc phường Đ) được quy định cụ thể tại điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Đối với hành vi xây dựng trái phép nhà và công trình khác trên đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định cụ thể tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Vì vậy việc xử lý vi phạm hành chính của UBND Quận N là đảm bảo theo quy định của pháp luật, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác đơn khởi kiện của ông Lê Văn H.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ vào Điều 18, Điều 28; Điều 38; Điều 65; Điều 85; Điều 86; Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc:

- Huỷ Quyết định số 3591/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Buộc Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

- Tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là trái pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/4/2024, người khởi kiện là ông Lê Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Hủy bản án sơ thẩm

- Hủy quyết định số 3591/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

- Hủy Quyết định 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022; Quyết định 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

Xem xét quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 20, khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Điều 1-1 Luật Đất đai 2013

- Buộc UBND quân Ngô Quyền thực hiên việc bồi thường, hỗ trợ và tái đinh cư theo quy định khi nhà nước thu hồi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H trình bầy căn cứ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm: Bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng; áp dụng pháp

luật để giải quyết vụ án không đúng; ban hành quyết định hành chính không đúng thẩm quyền. Cụ thể: Vi phạm tố tụng do thu thập chứng cứ không đúng vì Quyết định số 107/QĐ-QĐ ngày 10/8/1994 của Ủy ban nhân dân Quận N về việc cưỡng chế phá dỡ nhà, lều, quán làm trái phép tại Kênh A thuộc địa bàn phường Đ, Thông báo số 37/TB-UB này 07/7/1994, số 38/QĐ-UB ngày 02/8/1994 của Ủy ban nhân dân Quận N không thu thập trong hồ sơ nhưng bản án sơ thẩm có nhận định về văn bản này là vi phạm; Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 09/9/2022 nhưng hành vi vi phạm đã xảy ra từ năm 2006 là vi phạm Điều 156 của Luật thi hành văn bản quy phạm pháp luật; không xem xét quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai là không đảm bảo quyền lợi của ông H do ông H sử dụng đất ổn định trước ngày 01/7/2004 và không có tranh chấp nên khi thu hồi đất phải đền bù, hỗ trợ cho ông H theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013, Điều 20, điểm h khoản 2 Điều 21 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43; việc lấy ý kiến khu dân cư về thời điểm vi phạm của ông H năm 2006 là không đúng sự thật. Từ các căn cứ này đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại hà N hủy bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm tới trước khi nghị án người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng.

Về nội dung: Báo cáo số 02/BC-UB ngày 27/3/2001 của Ủy ban nhân dân phường Đ không có nội dung công nhận là đất ở của gia đình ông H như lời trình bày của ông H. Diện tích ông H và bà H1 cho rằng đã mua lại của ông T1 không phải là đất ở, đã thuộc diện giải toả, đã có quyết định cưỡng chế thu hồi. Việc ông H sử dụng diện tích đất 38,3m^2, trên đất có nhà 2 tầng, mái lợp tôn là đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không có giấy phép sử dụng và không được cấp phép xây dựng nên các Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N là hợp pháp.

Đối với Quyết định số 3591/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Văn H được ban hành đúng thẩm quyền quy định tại Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính. Sau khi nhận được Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, ông H không tự nguyện chấp hành thực hiện biện pháp khắc

phục hậu quả "*Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép*" nên Chủ tịch UBND Quận N đã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3591/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 đối với ông Lê Văn H là đúng quy định tại Điều 86, Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận N bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông H theo quy định của pháp luật: ông H sử dụng đất, xây dựng các công trình trên đất thuỷ lợi đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân phường Đ, là trái phép, căn cứ vào Điều 79, Điều 92, Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai, ông H không thuộc trường hợp được bồi thường về đất, công trình, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ tái định cư nên sau khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân Quận N không lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông H là đúng quy định của luật.

Từ các căn cứ nêu trên, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định. Ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Văn H đảm bảo thời hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp quy định, do vậy được xem xét giải quyết theo trình thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt đại diện người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về đối tượng khởi kiện: Bản án sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/12/2022, Chủ tịch UBND Quận N ban hành Quyết định số 3591/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Đến ngày 11/12/2023, ông H nộp đơn khởi kiện quyết định hành chính nêu trên nên chưa hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[5] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Đối với việc xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N do đã hết thời hiệu khởi kiện:

[5.1.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND Quận N ban hành Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định tại khoản 3 Điều 18, các Điều 28, Điều 38, khoản 2 Điều 65, Điều 85 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5.1.2] Về trình tự ban hành và nội dung Quyết định: Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính ngày 09/9/2022; các biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính ngày 10/9/2022 và ngày 14/9/2022; Báo cáo xác minh số 47/UBND-ĐC ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân phường Đ và Tờ trình số 1026/TTr-TNMT ngày 26/9/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N đã ban hành Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Văn H. Theo nội dung quyết định, ông H phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính *"Chiếm đất, xây dựng trái phép nhà, lều quán, lò gạch, ngói, lò vôi và các công trình khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi"* quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi; việc không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H là do đã hết thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính. Qua xác minh tại Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 105/BB-XM ngày 27/10/2022 của UBND phường Đ đã xác định lại hành vi vi phạm hành chính là *"xây dựng trái phép nhà, lều quán, lò gạch, ngói, lò vôi và các công trình khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi",* do vậy, để đảm bảo sự chính xác về đối tượng, hành vi vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N đã ban hành Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi nhận được các Quyết định nêu trên, ông H không khiếu nại nhưng không tự nguyện thực hiện các quyết định này. Việc ông H cho rằng trong quá trình sử dụng đất không bị chính quyền xử phạt vi phạm hành chính là

đúng, nhưng đây là thiếu sót, buông lỏng trong quá trình quản lý đất đai của chính quyền địa phương, không phải căn cứ để xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của ông H. Ông H căn cứ vào Báo cáo số 02/BC-UB, ngày 27/3/2001 của Ủy ban nhân dân phường Đ cho rằng Ủy ban nhân dân phường Đ đã xác nhận đất ở cho ông mặc dù ông không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, tuy nhiên xem xét nội dung báo cáo số 02/BC-UB ngày 27/3/2001 của Ủy ban nhân dân phường Đ thấy đây chỉ là báo cáo và đề nghị của Ủy ban nhân dân phường Đ về việc giải quyết kiến nghị của các hộ dân sử dụng đất mặt đường E phường Đ đối với Ủy ban nhân dân Quận N và Ủy ban nhân dân thành phố H theo công văn số 3252/CV-UB ngày 08/11/2000 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc kiến nghị giải quyết việc, nhà đất đã được giải toả từ năm 1994 đến khi xây dựng đường 5 tại diện tích đất trên không được đền bù, trong đó có bà Phạm Thị H2 (là vợ của ông H trước đây) ở danh sách số 47 không được đền bù. Như vậy, Báo cáo số 02/BC-UB, ngày 27/3/2001 của Ủy ban nhân dân phường Đ không có nội dung công nhận là đất ở như lời trình bày của ông H.

[5.1.3] Ông H cũng cho rằng nhà, đất của gia đình ông Lê Văn H tự sử dụng từ trước năm 1990 không có quyết định thu hồi đất nên không chiếm đất hành lang an toàn đường bộ, tuy nhiên ông H khai ông và bà H2 mua lại diện tích trên từ ông Nguyễn Văn T1. Tại Quyết định số 107/QĐ-QĐ ngày 10/8/1994 của Ủy ban nhân dân Quận N về việc cưỡng chế phá dỡ nhà, lều, quán làm trái phép tại Kênh A thuộc địa bàn phường Đ đã quyết định cưỡng chế, phá dỡ và tịch thu toàn bộ vật liệu nhà, lều quán hiện có của những người vi phạm dưới lòng Kênh và trên đai hành lang bảo vệ Kênh An Kim H3 đoạn từ cống số 7 đến cống K thuộc phường Đ vì những người nói trên không chấp hành các thông báo của Ban chỉ đạo giải toả của Sở T2 và Thông báo số 37/TB-UB này 07/7/1994, số 38/QĐ-UB ngày 02/8/1994 của Ủy ban nhân dân Quận N, trong đó có ông Nguyễn Văn T1. Ngoài ra tại văn bản trả lời đơn thư về việc giải toả kênh A đoạn từ cống đường L - cống K đã xác nhận việc giải toả đoạn từ cống Lạch Tray đến cống K từ năm 1991 thành phố đã giải toả để làm đường bao phía Nam. Khi giải toả xong, phần hành lang đường và hành lang bảo vệ kênh không còn một nhà dân nào. Những nhà dân hiện đang ở trên hành lang bảo vệ kênh (thuộc phường Đ) đều là tái chiếm lại (hoặc mua lại). Như vậy, diện tích ông H3 và bà H2 cho rằng đã mua lại của ông T1 không phải là đất ở, đã thuộc diện giải toả, đã có quyết định cưỡng chế thu hồi. Việc ông H3 sử dụng diện tích đất trên là đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không có giấy phép sử dụng và không được cấp phép xây dựng, không phù hợp quy hoạch nên các Quyết định số 2511/QĐ-KPHQ ngày 06/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB ngày 31/10/2022 về việc sửa

đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N là hợp pháp.

[5.2] Xét yêu cầu huỷ Quyết định số 3591/QĐ-CCXP, ngày 12/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Văn H:

[5.2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND Quận N đã ban hành Quyết định về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5.2.2] Về trình tự ban hành và nội dung quyết định: Theo nội dung Quyết định hành chính số 2511/QĐ-KPHQ, ngày 06/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 2779/QĐ-SĐBSHB, ngày 31/10/2022 về việc sửa đổi một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn H thì biện pháp khắc phục hậu quả mà hộ ông H phải thực hiện là: *"Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép (quy định tại điểm b Khoản 7 Điều 12 Nghị định 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi)*; *thời hạn thực hiện là trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.* Ủy ban nhân dân Quận N đã giao các quyết định nêu trên cho ông H. Sau khi nhận được các Quyết định nêu trên, ông H không tự nguyện chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả "*Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép*" nên Chủ tịch UBND Quận N đã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3591/QĐ-CCXP, ngày 12/12/2022 đối với ông Lê Văn H là đúng quy định tại Điều 86, Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn H và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông H yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án với các lý do sau:

[5.3.1] Ông Lê Văn H và Luật sư cho rằng, bản án sơ thẩm mục [4.1.3] nhận định Quyết định số 107/QĐ-QĐ ngày 10/8/1994 của Ủy ban nhân dân Quận N về việc cưỡng chế phá dỡ nhà, lều, quán làm trái phép tại Kênh A thuộc địa bàn phường Đ đã quyết định cưỡng chế, phá dỡ và tịch thu toàn bộ vật liệu nhà, lều quán hiện có của những người vi phạm dưới lòng Kênh và trên đai hành lang bảo vệ Kênh An Kim H3 đoạn từ cống số 7 đến cống K thuộc phường Đ vì những người nói trên không chấp hành các thông báo của Ban chỉ đạo giải toả của Sở T2 và Thông báo số 37/TB-UB này 07/7/1994, số 38/QĐ-UB ngày 02/8/1994 của Ủy ban nhân dân Quận N, trong đó có ông Nguyễn Văn T1, nhưng không có tài liệu này trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, Hồ sơ vụ án có tài liệu này.

[5.3.2] Người khởi kiện cho rằng có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không đưa UBND phường Đ vào tham gia tố tụng, trong khi UBND phường Đ lập Biên bản vi phạm hành chính, các biên bản xác minh tình tiết vi phạm và là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương. Xét thấy, việc UBND phường Đ lập Biên bản vi phạm hành chính, các biên bản xác minh tình tiết vi phạm và là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương là thực hiện một trong các bước, thủ tục để Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định hành chính số 2511 và 2779 bị kiện và Chủ tịch UBND quận N tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện là đúng, đảm bảo giải quyết vụ án. Do vậy, kháng cáo của ông H3 về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[5.3.3] Ông H3 và Luật sư cho rằng theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/NĐ-CP, ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định thời hạn lập Biên bản vi phạm là 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính, nên UBND phường Đ lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 09/9/2022 là tận 16 năm sau khi có hành vi vi phạm là sai, vi phạm pháp luật. Xét thấy, điều luật quy định 02 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm, chứ không phải kể từ ngày có hành vi vi phạm. Do vậy, ý kiến trên của ông H3 và Luật sư là không phù hợp với quy định, nên không được chấp nhận.

[5.3.4] Ông H3 và Luật sư cho rằng hành vi vi phạm được xác định xảy ra năm 2006, nên việc áp dụng Nghị định 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ là áp dụng văn bản hết hiệu lực, do đã có Nghị định số 139/2013/NĐ-CP, ngày 22/10/2013 của Chính phủ thay thế. Xét thấy, hành vi vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu được quy định ở cả hai văn bản, do vậy, việc lập biên bản vi phạm hành chính, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính áp dụng Nghị định 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ, là văn bản có hiệu lực tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm là đúng. Ý kiến của ông H3 và Luật sư không được chấp nhận.

[5.4] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận N bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông H3 theo quy định của pháp luật. Xét thấy: Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Lê Văn H: Theo bản đồ và sổ đăng ký ruộng đất năm 1986 không thể hiện số thửa, thuộc tờ bản đồ số 01, Loại đất: Đất mương. Theo bản đồ địa chính phường Đ năm 1998, thuộc 01 phần thửa đất số 39/Tờ bản đồ ĐG-30, diện tích đất: 1243,5m^2. Loại đất: đất thủy lợi, tên đăng ký sử dụng là: UBND phường Đ. Ông Lê Văn H quản lý sử dụng diện tích 38,3m^2 thuộc 01 phần thửa số 126 Trích lục địa chính số 69/2020-TL lập ngày 13/5/2020 thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) và Bản trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500 khu đất giáp đường N đoạn từ cầu vượt L đến V do Trung tâm K1, Thông tin TNMT lập ngày 08/9/2022; Xây dựng công trình trên diện

tích 38,3m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 39/Tờ bản đồ ĐG-30, loại đất: TL. Hiện trạng là nhà 02 tầng, mái lợp tôn kẽm mạ màu. Như vậy, theo bản đồ và sổ đăng ký ruộng đất năm 1986, diện tích đất ông H theo lời khai của ông H do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T1 và đã ở từ năm 1990, có giấy tờ mua bán viết tay với ông Nguyễn Văn T1 từ năm 1990 nhưng không xuất trình được tài liệu này cho Toà án và thừa nhận không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc chuyển nhượng. Do đó, ông H sử dụng đất, xây dựng các công trình trên đất thuỷ lợi đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân phường Đ, là trái phép. Theo quy định tại Điều 15, Điều 140 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013, cùng các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, giao thông và thuỷ lợi. Căn cứ hồ sơ địa chính và kết quả phiếu ý kiến dân cư, xác định nguồn gốc đất trên là đất thuỷ lợi, năm 1986 làm đường bao, năm 1995 làm đường QL 5; thời điểm làm đường QL 5 đã giải tỏa các hộ dân lấn chiếm đất và tổ chức cưỡng chế phá dỡ nhà, lều quán làm trái phép (gia đình ông T1 bị phá dỡ trước khi bán lại cho ông H và bà H2) nhưng sau đó các hộ dân tái chiếm trở lại như hiện trạng. Do vậy, căn cứ vào Điều 79, Điều 92, Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai, ông H không thuộc trường hợp được bồi thường về đất, công trình, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ tái định cư nên sau khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân Quận N không lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông H là đúng quy định của luật.

[5.5] Từ các căn cứ nêu trên, Bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ông H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí: Ông Lê Văn H là người cao tuổi được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

2. Về án phí: Ông Lê Văn H là người cao tuổi được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa